

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 65/2025/DS-ST
Ngày: 17 - 6 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Bình

Ông Mai Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 94/2025/QĐST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Số nhà I, đường B, khu phố A, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Huy H, sinh năm 1974; bà Trần Thị Kim H1, sinh năm 1972; Cùng nơi cư trú: Tổ G, khu phố G, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Đều vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số B, đường H, khu phố D, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông H, bà H1 trước đây là vợ chồng và là bạn của ông Nguyễn Thành D chồng của bà G. Là chỗ quen biết thân thiết nên năm 2016 bà G có cho ông H, bà H1 vay số tiền 25.000.000 đồng để làm ăn. Số tiền bà G cho ông H, bà H1 vay là tài sản riêng của bà G. Tháng 04/2022 ông H, bà H1 trả được cho bà G số tiền 4.500.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền lãi, còn thiếu lại số tiền 20.500.000 đồng. Năm 2023 ông H, bà H1 ly hôn và bà G, ông D ly hôn.

Ngày 08/3/2024 ông H, bà H1 và bà G chốt lại số tiền bà H1, ông H còn thiếu bà G là 20.500.000 đồng; các bên thoả thuận ông H, bà H1 sẽ hoàn trả cho bà G mỗi tháng 2.000.000 đồng tiền nợ vay và tiền lãi kèm theo, với mức lãi là 1,66%/tháng. Việc thoả thuận được các bên lập giấy gút nợ, bà G, ông H, bà H1 cùng ký và giao cho bà G giữ. Sau khi thoả thuận cho đến nay ông H, bà H1 không trả được bất kỳ số tiền nợ vay và lãi nào cho bà G. Do đó, bà G khởi kiện yêu cầu ông H, bà H1 liên đới phải trả cho bà G số tiền nợ vay 20.500.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 08/3/2024 cho đến nay 17/6/2025.

Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có đơn khởi kiện phản tố, đơn khởi kiện độc lập, cũng không có ý kiến, tài liệu chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án, cũng không tham gia làm việc và tham gia phiên tòa.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/4/2025 (bút lục 42) thể hiện:

Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1989; có hộ khẩu thường trú tại số nhà B, đường H, khu phố D, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/4/2025 (bút lục 41) thể hiện:

Ông Lê Huy H, sinh năm 1974; bà Trần Thị Kim H1, sinh năm 1972; có hộ khẩu thường trú tại: Tổ G, khu phố G, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông H, bà H1 liên đới phải trả cho bà G số tiền nợ vay 20.500.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 08/3/2024 cho đến nay 17/6/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại chứng cứ “*Giấy gút nợ*” do nguyên đơn cung cấp thể hiện: “*Họ và tên Lê Huy H 1974, Trần Thị Kim H1, 1971 cùng cư ngụ sn 122 (đường T) nay là đường L, thị trấn V Bình Thuận*”. Do đó, có cơ sở xác định bị đơn ông H, bà H1 có nơi cư trú tại thời điểm giao dịch là khu phố G, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Theo kết quả xác minh tại Công an thị trấn V xác định ông Lê Huy H, bà Trần Thị Kim H1 hiện nay có hộ khẩu thường trú tại tổ G, khu phố G, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nên khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[3] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do chính đáng, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn khởi kiện phản tố, đơn khởi kiện độc lập, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, cũng không tham gia làm việc, tham gia phiên tòa nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[5] Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Huy H, bà Trần Thị Kim H1 liên đới phải trả số tiền nợ vay 20.500.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng cứ “Giấy gút nợ” bản chính. Cùng với việc nộp đơn khởi kiện nguyên đơn đã thực hiện việc sao gửi đơn khởi kiện cho ông H, bà H1; đồng thời trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã tổng đạt họp lệ “*Thông báo về việc thụ lý vụ án*”, “*Thông báo kết quả phiên họp*” và các văn bản tố tụng khác cho bà H1, ông H. Nhưng bà H1, ông H không phản đối, cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến nội dung khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn đưa ra. Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì “Giấy gút nợ” có chữ ký của ông Lê Huy H, bà Trần Thị Kim H1 do nguyên đơn cung cấp là sự thật không cần phải chứng minh.

Theo nguyên đơn sau các bên chốt lại khoản tiền vay và viết giấy ngày 08/3/2024 cho đến nay ông H, bà H1 không trả được cho bà G số tiền vay nào. Quá trình tố tụng bà H1, ông H không có ý kiến phản đối, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh sau khi các bên chốt lại số tiền vay 20.500.000 đồng đã trả cho bà G số tiền này. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà G về yêu cầu ông H, bà H1 phải trả số tiền nợ vay là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Theo bà G khi các bên viết lại “Giấy gút nợ” vào ngày 08/3/2024 các bên có thoả thuận mỗi tháng ngoài việc trả tiền nợ vay 2000.000 đồng thì bà H1, ông H phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng. Tại “Giấy gút nợ” thể hiện “*Ông Lê Huy H và bà Trần Thị Kim H1 còn nợ bà G số tiền gốc là 20.500.000 đồng và lãi 1,66% tính từ ngày 8/3/2024 mỗi tháng ông H và bà H1 trả 2.000.000 đồng tiền gốc và lãi kèm theo*”. Do đó, có cơ sở xác định khi chốt lại số tiền vay các bên có thoả thuận lãi và mức lãi các bên thoả thuận là 1,66%/tháng. Bà G cho rằng sau khi viết giấy gút nợ ngày 08/3/2024 cho đến nay ông H, bà H1 không trả được số tiền lãi nào; ông H, bà H1 không phản đối, cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ thể hiện có trả lãi đầy đủ cho bà G như thoả thuận.

Do đó, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng mà bà G yêu cầu là có căn cứ và phù hợp với quy định nên được chấp nhận. Thời gian tính lãi từ ngày 08/3/2024 đến nay 17/6/2025 là 15 tháng 9 ngày x 1,66%/tháng x 20.500.000 đồng = 5.207.000 đồng.

[7] Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 111/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 23/5/2023 thể hiện ông H, bà H1 đã thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, theo “Giấy gút nợ” lập ngày 08/3/2024 thể hiện “*Số tiền gốc còn lại 20.500.000 đồng đây là nợ chung của chúng tôi Lê Huy H và Trần Thị Kim H1 (trong thời kỳ hôn nhân)*”. Quá trình giải quyết vụ án ông H, bà H1 không có ý kiến phản đối, nên có cơ sở xác định đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của ông H, bà H1 vì thế cần buộc bà H1, ông Hoàng liên Đ cùng trả là phù hợp.

[8] Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 169/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 18/7/2023 thể hiện ông D, bà G đã thuận tình ly hôn. Theo bà G khoản tiền bà G cho ông H, bà H1 vay là tài sản riêng của bà G; Tại “Giấy gút nợ” ngày 08/3/2024 được lập sau thời điểm bà G, ông D ly

hôn, cũng có nội dung “*Nay 8-3-2024 tôi Lê Huy H và Trần Thị Kim H1 (bên vay) cùng bà Nguyễn Thị G (bên cho vay) thống nhất thỏa thuận ông Lê Hữu H3 và Trần Thị Kim H1 còn nợ bà G số tiền...*”, bản thân ông D cũng không có ý kiến phản đối, hay yêu cầu gì trong vụ án. Do đó, có cơ sở xác định đây là khoản nợ của ông H3, bà H1 đối với cá nhân bà G, nên cần buộc bà H1, ông Hoàng liên Đ trả cho cá nhân bà G là phù hợp.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên toà phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[10] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[11] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các khoản 2, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 288, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị Kim H1, ông Lê Huy Hoàng liên Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 25.707.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn*

đồng). Trong đó, nợ vay là 20.500.000 đồng (*Hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng*), nợ lãi là 5.207.000 đồng (*Năm triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà G số tiền 568.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi tám ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005194, ngày 14/02/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Bà bà Trần Thị Kim H1, ông Lê Huy Hoàng liên Đ phải chịu 1.285.000 đồng (*Một triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng*) (*đã làm tròn*) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- C.C. THA.DS huyện Đức Linh;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Trường

